

VIEN-AM NGUYET-SAN

音 圓



Nam-mo Bồn sư Thích-Ca

Mâu-Ni Phật

Tác đại chứng minh

VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN

Tạp-chỉ chuyên-chủ về đạo Phật do Annam Phật-Học hội

(S. E. E. R. B. A) xuất bản

Chủ nhiệm : Hội-trưởng hội Annam Phật-Học :

S. E. ỨNG-BÀNG

Đã-bút : Giáo-lý kiêm-duyet : **Ông LÊ-ĐÌNH-THÁM.**

Thơ-từ bài-vở, xin gởi cho :

Annam Phật-học hội Tổng-trị-sự

Boîte postale N° 73 Huế.

Ngân-phiếu trả tiền báo, xin đề tên :

Ông Phạm-văn-Vi Phanrang

Giá báo : 12 số = 2\$00 ; 6 số = 1\$10 ; mỗi số = 0\$20

Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng 25%, xin do các Hội-trưởng tỉnh hội gởi mua.

Các Ngài muốn khảo-cứu triết-lý của đạo Phật.

Các Ngài muốn biết rõ tâm-tánh của mình.

Các Ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ hoàn-toàn.

Hãy luôn luôn đọc :

Viên-âm Nguyệt-san

MỤC-LỤC

Số bài		Số trang
I. - Duyệt-thức		3-9
II. - Tôi sửa mình	Phạm-hữu-Bình	10-15
III. - Tình bạn	Ngô-Điền	16-21
IV. - Ưu-dã-Di	Trần-Đỗ-Cung	22-25
V. - Pratique de la méditation (suite)		26-30
VI. - Ý-kiến về việc in tượng Phật trên hàng hóa		31

Thông - Chê PETAIN

Thông-Chê có thể đứng ngang hàng với những bậc thánh đại hiền ở Âu-Â đã có công cảm-hóa nhân-quần bởi cuộc đời cao-thượng, đức lớn vô song.

Thanh-niên chỉ muốn tôn nghĩa vụ, vâng lời huynh-trưởng. Các bậc huynh-trưởng lại phải ăn ở cho xứng đáng sự tin cậy ấy.

Trên giang sơn nước Pháp, đàn ông, đàn bà, con trai, con gái đương đánh một trận, một trận « Thái-Bình » dưới sự chỉ huy của một đại-lão chưa bị bại bao giờ.

DUY - THÚ'C

Sau khi đọc bài Duy-thức đăng ở số Viên-âm 50 và 51, có nhiều bạn đọc-giả gửi thư về hỏi một vài điều nghi-ngờ, đại-đề như các câu hỏi sau đây :

1.) « Do ngã chấp, mà có ngã tướng, vậy ngã « tướng không thể rời thức mà có được, cái ấy « rõ rồi, còn thật pháp như quyền sách cũng chỉ « là vì chấp, sự thật chỉ có giấy, bia, chỉ v. v... mà thôi. Như vậy quyền sách thật không tự có ra « ngoài thức, chớ quyền sách giả có thể có được. « Những huyền tướng do các giả nhân-duyên (từ « đại, ngũ-ấm, lục-trần...) đối-đãi hòa-hợp mà « như có; nơi đó mình tự nhận là thật, thì cái « thật ấy tự thức tạo ra, cho nên không thể rời « thức mà có, chỉ như các giả tướng kia quyết « định phải sẵn ra ngoài thức.

« Trong kinh nói.

2.) « Nơi sông Hằng-hà người thấy nước, cá
« tránh thấy nơi ở, chứ thiên thấy lưu-ly, địa-
« ngục thấy lửa », như vậy nước lửa, chỗ ở, lưu-ly là
« tướng phần thức của mỗi loài tự biến, không thể
« rời thức mà có được ; chỉ như cái bản chất cho
« nước lửa ... kia tuy nó không phải nước, lửa và
« cũng không phải gì hết, nhưng quyết định phải
« có và ra ngoài thức. Lại cũng như mùi trái sầu-
« riêng có người cho thơm, có kẻ cho hôi ; mùi
« thơm hôi là tại nhận thức nơi lỗ mũi của mỗi
« người cho nên không thể ra ngoài thức mà có
« được, chứ như mùi trái sầu riêng kia không phải
« thật thơm đối với người này cũng như không
« phải thật hôi đối với người kia, quyết định
« phải có và ra ngoài thức, cũng như đập dây
« mà nói rắn, rắn là thức biến, chớ dây thức có
« biến đâu, nó đã có sẵn và ra ngoài thức ».

Nói tóm lại, câu hỏi thứ nhất muốn nói rằng :
ngoài các huyền-tướng do thức biến ra, phải có
cái gì có sẵn ra ngoài và làm gốc cho tướng kia,
như bóng trong gương tuy là huyền, mà « cái vật »
chiếu thành bóng ấy là thiệt,

Câu hỏi thứ hai cũng tương tự như thế, lại
có ý nói rằng tuy ngoài thức ra không có thể có
tướng gì được, nhưng cái không tướng ấy quyết
định phải có bản-chất.

Thiệt ra, sự nghi-ngờ ấy, không phải là không
có lý ; nhưng ta cần xét xem tính cách của cái gì
ấy nó ra thế nào, và cái bản-chất quyết-định phải
có ấy đó là cái gì.

Vậy xin hội ý mà trả lời chung sau này ; nếu có chỗ nào không hiệp, xin các bạn sẵn lòng chỉ giáo.

Chúng ta biết rằng các tướng đều do thức biến, nếu không có thức thì các tướng còn làm thế nào mà hiện ra được. Vậy các tướng thiết không có tự-thê, vì nó có thể tùy theo sự chuyển-biến của thức mà thay đổi. Song ta có thể nghĩ rằng tuy tướng có thay đổi, nhưng các tướng ấy có lẽ là phản - ảnh của một vật gì, như bóng trong gương tuy có thay đổi nhưng cái bóng ấy là phản - ảnh của *vật khác thật có ở ngoài gương*.

Nghĩ như vậy, nhưng xét sự sự vật vật ở giữa đời, ngoài các tướng do thức biến ra, bạn không thể chỉ tỏ cái gì thật có, và cái thật có ấy nó ra thế nào được. Vì cái « bạn nghĩ là có-thật ấy » nó quả không có một thể tánh gì chắc thật, nó chỉ đối đãi với thức mọi loài mà có tánh-cách này nọ mà thôi. Như nước đối với thức loài người là trong, là ngọt ; chứ đối với cá nước lại là nơi để thở, có lẽ là không-khí, là nhà cửa ; đối với chư-thiên là lưu-ly, vậy cái có thật (mà ta thấy là nước, cá thấy là không khí, thiên thấy là lưu-ly) ấy nó ra thế nào ? quyết định nó không ra thế nào cả, nó có thể có, có thể không, có tướng thế này đối với thức loài này, tướng thế khác đối với thức loài kia, và có thể không có tướng gì cả đối với thức loài khác. Vậy nên cái đó thật như Phật dạy là phi hữu, phi vô, phi tức, phi ly, bất khả tư nghĩ

cảnh giới, song bất khả tư nghị cảnh giới ấy nó có thật tánh là « chơn-như tánh », là « pháp-giới tánh » nghĩa là tánh tuyệt-đối đối-đãi (xem bài pháp-giới-tánh số 48) (absolument relatif).

Vậy thì biết mùi trái sầu-riêng không thể nói ngoài thức mà thật có, vì sao ? vì không thơm, không thúi, không có, không không (theo thức mỗi loài) thì không thành cái gì được.

Còn nói « đập giấy tưởng rắn, rắn là thức biến, giấy có phải là thức biến đần ! nó đã có sẵn và ra ngoài thức ». Nói thế không đúng, trong ví-dụ bạn lấy trong kinh kể ra đó, ngài Luật-chủ cốt phá cái kiến-chấp thô-thiền của người, cốt chỉ cho rõ ta có thể lầm như thế, chứ ngài không phải nói giấy có sẵn ra ngoài thức ; trong các ví-dụ, chúng ta cần hiểu ý như nường ngón tay mà thầy mặt trăng, chứ không nên quá chấp các danh-lừ.

Vậy cái ví-dụ ấy Phật dạy cốt để phá bớt cái kiến-chấp thô-tháp của người. Thật ra vì tỉnh ngộ mới biết là giấy, chứ nếu còn mê thì vẫn luôn luôn tin là rắn, vậy đối với người mê, cái ấy là rắn, đối với người tỉnh, đó lại là giấy. Như vậy thì thật cái ấy (hoặc giấy hoặc rắn) không có gì chắc thật. Nếu thấy giấy là vì ta « đồng tưởng » với người tỉnh mà thôi. Nếu ta đồng tư tưởng với người mê tất nhiên ta nhận cái đó thật là rắn, chứ không phải giấy.

Vậy rắn là thức biến, mà giấy cũng thức biến, cho đến các sợi gai là thức biến, cho

đến các nguyên-tử (atome) kết thành sợi gai cũng là thức biến, cho đến các cực - vi cũng là thức biến, vì sao ? vì nó đều là các *tướng*, mà đã là *tướng* thì đều là thức biến.

Vậy ngoài thức ra, ta không thể nói có gì hay không có gì, vì sao ? vì :

1) Chúng ta biết được cũng là nhờ có thức, mà thức chỉ biết được cái *tướng* do nó biến ra, ngoài các *tướng*, ta không thể biết được gì nữa.

2) Nếu nói thức không phải một, mà có vô số thức chung - sanh, và tất cả các *tướng* do các thức ấy biến nhóm thành *một cái*, thì cái ấy tất đủ vô-số-tướng, cái ấy chính là chân-như, bao trùm cả tâm cảnh phi hữu, phi vô.

Song ta lại có thể nghĩ : sao *tướng* đã do thức biến mà ngày nay có nhiều *tướng* hiện ra, ta vẫn không làm sao *biến khác được*, như lửa ta thấy đỏ, rờ vào phải nóng ; Trước hết vì ta chưa hề tập « biến *tướng* ». ta chỉ tùy theo hoàn-cảnh, chịu hoàn-cảnh sai-khiến, chứ như các vị fakir (huyền-sư) họ hơi tập, đã có thể biến được, như họ đi vào lửa mà không thấy nóng.

Nhơn đó ta nên tìm cho biết, vì sao ta lại có hoàn-cảnh người, vì sao ta lại không tự biến được hoàn-cảnh ấy, và vì sao tu-tập, lại có thể biến đổi được.

Theo lý duy-thức thì hiện nay thức ta biến ra có thần người có cảnh người, là vì kiếp trước

ta đã ham-muốn làm người, huân-tập các chủng-tử nghiệp người, nên đến lúc chết, đầu thai vào nghiệp người. Đó là chuyển biến của A-lại-da-thức. A-lại-da-thức như tấm vải, chủng-tử huân-tập như các dấu mực chấm vào. Các dấu chấm tuy nhiều màu, nhưng khi tấm vải đã bị chấm hết rồi thì nó sẽ biến ra hoặc màu xanh, hoặc màu đỏ, hoặc đen, tùy theo thứ mực nào đã chấm nhiều hơn. vì thế, nếu thức ta biến cảnh người tất vì trước đã huân tập chủng-tử nghiệp người.

Thí như hiện nay ta là kẻ học-giả, nếu ta có ý muốn đi lính, nếu ta làm đủ giấy má đơn tờ, tập đủ sức khỏe, ta sẽ đi vào hoán-cảnh lính ngay, ta sẽ bận đồ lính, dùng khí giới, tuân theo kỷ-luật nhà binh ở trại, phần bị bắn, gan được mề-day. Nếu ta không muốn ở lính nữa, thì ta lại vận-động để ra khỏi lính, hoặc là chờ hết hạn thì ra.

Vậy để ra làm người chúng ta đã chịu một hoàn cảnh nhất-định, nghĩa là có đủ ngũ-thức người : nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đối với 5 tướng của thức biến là sắc, thanh, hương, vị, xúc, ngũ thức đối với ngũ-trần nhóm họp thành ra có ý-thức đối với pháp là tướng của ý-thức.

Đã có nhãn-thức tất phải có thấy, đã có nhĩ-thức tất phải có nghe, đã có thân-thức tất phải chịu lạnh nóng, đau v.v... đã có ý-thức nghiệp người tất phải nhận có sống chết,

Duy A lại-da-thức tuy là biến ra tướng pháp-giới, nhưng a-lại-da không phải là toàn thể pháp-giới, a-lại-da-thức chỉ là một pháp trong

pháp-giới mà thôi, cho nên a-lại-da ấy đã biến ra tướng pháp-giới của mình, tất ảnh-hưởng đến a-lại-da các loài khác và vẫn phải chịu ảnh-hưởng của a-lại-da của các loài ấy.

Vì chịu ảnh-hưởng nên nó có thể bị hoàn-cảnh lời kéo đến nghiệp này, nghiệp kia, nhưng chính nó cũng năng-biến nên cũng có thể ảnh-hưởng lại hoàn-cảnh.

Tánh năng biến ấy ta mê-muội không nhận được, không biết dùng, thành hình như không có. Thiệt ra, chỉ xét phần ý-thức của ta, ta cũng thấy rõ ta có thể muốn làm ác, muốn làm thiện, và cố ý một chút, có thể muốn thương hoặc muốn ghét, muốn sống hoặc muốn chết.

Biết được ý-thức năng-biến như thế, ta cứ dùng nó biến ra cảnh ta trông mong đến, khi tướng của cảnh ấy rõ rệt và tiếp-tục, tức là a-lại-da-thức ta đã truyền-nghiệp rồi. Như các phép quán chỉ là cách dùng ý-thức tập biến cảnh.

Nếu biết dùng tánh năng-biến của ý-thức, có thể trải qua tất cả các cõi trời, qua tất cả các bậc định, qua tất cả nghiệp các loài; nhưn đó nhận được thể-tánh chơn như, thấu rõ nguồn gốc-vũ-trụ, tâm-niệm muôn loài, và có thể thành Phật.

Nhưng cái chi nhận được? cái chi thấu rõ? chính cái đó là thức, là tâm, nên Phật đã từng nói: Phật tức Tâm.

Vậy thể tánh chơn như là phải trực nhận, chứ không phải dùng lời nói mà thiệt chỉ, dùng sức tưởng tượng mà chứng được.

PHẠM-HỮU-BÌNH

Trong Đoàn Phật-học Đức-Dục

TOI SỬA MINH

Bài nói chuyện trong đoàn P.H.Đ. D.
mùa đông năm Canh-thìn (1940).

Đầu đề tội lỗi, mới nghe to tác quá. Kỳ thực đây chỉ là những lời thú tội. Đây cũng là một li kinh nghiệm riêng đem công-hiến các bạn. Mục đích của chúng ta là gì nếu không là : trước sửa mình sau giúp mọi người ?

Trước hết tôi hãy thú nhận những tội lỗi của tôi. Nhiều, rất nhiều không thể kể xiết : tôi chỉ xin lựa chọn những món mà phần đông chúng tôi hay ném đến. May ra những phương-pháp tôi đã dùng có thể giúp ích cho vài bạn đồng bệnh.

Vì sao một người đầy tội lỗi như tôi bây giờ mới nghĩ đến chuyện sửa mình ? Vì sao trước kia tôi thấy tôi đầy đủ hoàn-loàn ? Chỉ vì tôi tự-ái thái quá. Tự-ái rồi tự-phụ, cái ấy đã hiển nhiên. Nhưng lúc mình tự-phụ, mình có biết là mình tự-phụ đâu !. Mình cho mình là xứng đáng được mọi người khen ngợi, kính phục !

Tôi còn nhớ lúc vào học nhất niên Quốc-học, tôi ngồi gần một người bạn tỉnh nghiệp muốn chọc tức tôi, họ làm ra vẻ khinh-khi cho tôi là con nít nhà quê không biết gì. Tôi liền viết ngay trên bàn câu : « Aux âmes bien nées, la valeur n'attend point le nombre des années ». Cũng với người bạn ấy, tôi tìm dịp cho họ xem quyền tự-diện mới tinh của tôi để họ có dịp đọc, ngay trang đầu, lời khen tặng của thầy đốc trường Bảo-an ngày tôi đỗ đầu thi sơ-học.

Tôi sẽ dĩ nhắc lại câu chuyện xưa để chứng rằng tánh tự-phụ đã ăn sâu vào tâm-tri tôi từ thuở nhỏ, căn bệnh trầm trọng kinh niên như thế tôi phải trừ bằng cách nào ?

Cái khó ở đây, thưa các bạn, không phải là phương thuốc. Cái khó ở đây là nhận được điều lầm lỗi của mình. Không phải là tôi không hiểu tự-phụ là gì. Tôi hiểu lắm chứ. Mỗi lần người ta bảo tôi : « Mi dốt » tôi cũng biết người ta nói gì chứ ? Phiền một nỗi tôi cho « dốt » như thế không tội lỗi gì. Tôi nghĩ với học-lực của tôi, « lên mặt » một tí không phải là quá đáng. Tôi tìm hết cách để bênh vực tôi. Ở giá tôi không tự-phụ, liệu tôi có hăng hái học không ? Liệu tôi có giữ được thứ bậc trong lớp, và năm năm hưởng toàn phần học bổng không ? Tôi lý-luận hơn : trong ký-túc-xá giữa những người bạn hư hỏng, tôi cho rằng sợ dĩ tôi chống cự với những quyến-dũ thấp hèn là vì tôi tự-phụ. Nhân đó tôi kết luận rằng tự-phụ là một năng-lực cần thiết giữ không cho tôi bước vào con đường lây tội.

Hắn các bạn lo cho tôi. Tôi đã bênh vực lòng tự-phụ với những lý-luận chặt-chẽ như thế, biết bao giờ tôi nhận được căn bệnh, biết bao giờ tôi hiểu rằng tự-phụ là một tánh xấu làm ngấn cản con đường tấn thủ của tôi.

Các bạn yên tâm. Chính lòng tự-phụ đã giúp tôi trừ bỏ lòng tự-phụ. Một điều lạ. Tôi xin cắt nghĩa. Bắt đầu từ năm học tam niên, lòng tự-phụ của tôi đi lạc đường. Tôi muốn nói rằng nó không còn giúp tôi đi lên nữa. Vì tự-phụ có nhiều cách. Năm ấy, luật-lệ nhà trường cầu-thả, tôi, một « người học-trò kiểu-mẫu » cũng học nghịch-ngợm : « viết báo, nhẩy thành ». Tôi lấy thể làm vinh-hạnh lắm. Mỗi lần cuối tháng, sau bao nhiêu tuần lêu-lững, tôi vẫn cứ nghiêm nhiên lãnh lời ban-khen của nhà trường, lòng tôi nở-nang bao nhiêu, ừ, mình cũng chơi như chúng bạn, không cần học-hành cặm-cui, mà nhất, nhì thì cũng vẫn cứ nhất nhì ! Nhưng địa-vị ấy tôi nào có giữ được lâu. Trong lúc tôi nhác-nhóm, nhiều người đồng lớp cố chỉ học tập chẳng bao lâu bằng tôi

hơn tôi. Tôi khó chịu quá. Mỗi lần nghe điểm bài tôi thua sút bài họ, lòng tôi nao nao. Thứ tự trong lớp tôi sẵn lòng cho rằng nhờ may mắn, nhưng bài làm ! Bài làm thì may mắn thế nào được ? hay là thầy đổi ? hay là thầy không công - bằng ? lý-luận ấy là lý - luận cuối cùng của tôi. Tôi chê thầy này đổi, thầy kia đổi, có biết đâu chính mình đã đổi lần. Thế chưa đủ. Tôi còn tìm hết cách để nói xấu bạn : tôi cho họ « học gạo ». Một chữ ngạo-mạn khinh bỉ để chỉ những người học để mưu kế sinh nhai về sau. Tôi cho họ dần dần, chỉ được giới thiệu vào đầu những môn nhà trường dạy. Tôi tự an ủi rằng những người ấy ra đời sẽ không biết gì cả. Làm như tôi biết việc đời nhiều lắm. Chẳng biết lúc ấy tôi hiểu những gì về đời, nhưng chỉ nghĩ thế là thấy lòng tôi rất nhẹ nhàng lắm.

Tánh tự phụ đã sanh ra ghen ghét, đố kỵ, nói xấu, tánh tự-phụ đã suy đồi như thế, hẳn phải có ngày tôi biết là một thằng giặc nguy-hiểm phải trừ bỏ, ngày ấy không xa lắm, cách đây không đầy một năm. Nói một ngày chờ tôi còn biết là ngày nào ! Cuộc cách mạng trong lòng tôi ngấm ngấm bí-mật. Có nhiều duyên cớ khiến tôi nhận sự hèn kém của tôi. Duyên cớ đặc biệt và phức-tạp không thể đem ra bàn được. Tôi chỉ cốt tỏ rằng chính lòng tự ái của tôi đã giúp tôi. Trong lúc tôi vất-vưởng e dè thì bạn tôi sung sướng với lòng tin mạnh-mẽ. Tôi thấy sự thấp kém của tôi mà tự thẹn. Vả, có lẽ nào bạn tôi lại muốn tôi đi theo một con đường mờ ám ? Tôi muốn theo kịp bạn tôi. Tôi tự đề nên lòng tự-phụ để suy-nghiệm, học hỏi. Ngày mà tôi cầm tờ Viên-âm với một khối óc ngay thẳng, không thành kiến, chính là ngày thắng trận đầu tiên của tôi. Ngày mà tôi quy-y theo Phật là ngày lòng tự-phụ của tôi bắt đầu nhượng bước. Ngày ấy là ngày tôi bắt đầu sửa mình, thật tình muốn sửa mình. Trước kia tôi vẫn có lúc tự trách mình,

nhưng thật ra có bao giờ tôi quyết định trừ bỏ tật xấu đâu ! Trước kia chỉ do dự, e-dè : lắm lúc tôi yếu-ớt để những cám-dỗ thắng tôi, làm mất lòng tự tin của tôi. Ý chí đã nhụt, công cuộc sửa mình của tôi vẫn phải khó khăn. Đây tôi xin kể từng giai - đoạn trong cuộc chinh phục ấy.

Trước hết, tôi hãy trở lại với lòng tự-phụ. Vì đã hết đau lòng tự-phụ ! Để gì một tánh xấu bám vào ta từ thừa nhỏ ? Tôi chỉ mới nhận thấy lòng tự-phụ là một tánh xấu phải trừ. Đây là điều khó khăn nhất, và quan hệ nhất. Vì thưa các bạn, ta phải thấy tật xấu là những thặng giặc nguy-hiểm, ta mới nhất-quyết liều trừ ; nếu không ta cứ dung-thứ, buông tha nó, biết đời nào nó chịu nhượng bước ! Ấy đầu tiên tôi tự nhận, tôi là một bệnh nhơn, có thể tôi mới lo tìm thuốc chữa. Đã đủ đâu ! Nếu bệnh nhơn cứ thất vọng, yên-chỉ rằng bệnh mình nguy-hiểm không trừ được thì thuốc hay thầy giỏi cũng vô ích.

Vậy tôi đã đi được một bước dài khi tôi thật nhận tánh tự-phụ là phải bỏ. Nhờ đạo Phật tôi đi xa hơn nữa, tôi tin ở sự cố gắng liên miên của người. Tôi tin rằng kiên nhẫn bao giờ cũng thành công.

Đó mới là những giây cương cai-quản công việc sửa mình. Bây giờ các bạn hãy cùng tôi đi tiêu-trừ lòng tự-phụ trong mỗi trường-hợp. Cố nhiên tôi không còn những lúc cố-ý tự-phụ, nên một dáng-diệu cao - kỳ đề lên mặt với thiên - hạ. Tôi không tự đem so-sánh với những người kém cỏi. Tôi tránh những lúc phê-bình các bạn thua sút. Tôi lại luôn luôn nghĩ đến những người hơn mình, hay tưởng niệm đến những bậc hoàn-toàn. Tôi muốn bao giờ tôi cũng giữ luôn trong trí nhớ sự thấp kém của tôi. Nhưng khổ ! Lòng tự-phụ đã nhụt hẳn đâu. Nó quỉ-quái lắm, chỉ đợi một lúc vô-ý là xuất đầu lộ diện. Nhiều lúc tôi bắt gặp tôi đang chê bai một người đồng lớp mà sức học

ít nữa cũng bằng tôi : lại những lần khác, làm xong một bài toán khó khăn, tôi đi quanh phòng học để được nhìn nhiều bạn đang vẽ mái tóc, cần bút chì để tìm lời giải. Lòng tôi lúc ấy phoi-phới thế nào ấy. Ban đầu, lúc nghĩ rằng mình đã dung thứ lòng tự-phụ, tôi nổi cơn thịnh-nộ ý chừng muốn đánh mình ít roi, vì đã quá yếu ớt. Kết quả : lòng tự-phụ vẫn còn, mà trong tôi tánh nóng-giận lại có dịp nảy - nở. Tôi hiểu rằng gắt gỏng với mình là vô ích và vui vẻ bình-lĩnh bao giờ cũng đem lại cho ta sức lực để phấn-đấu. Với một cố-tật như lòng tự-phụ, tôi thấy cần phải dè-dặt, kiên-nhẫn. Tôi cần phải đếm từng bước một để đi đến chỗ thắng lợi cuối cùng. Hấp-lấp có ích gì ? Mỗi lần vì quá nóng nảy, ta thua trận, ta sẽ làm nhục mất lòng tự-tin. Đàng đi của ta sẽ vì thế mà khó khăn hơn. Ta phải luôn luôn thắng trận để nuôi lấy chí tiến thủ dù những thắng lợi ấy nhỏ nhen bao nhiêu cũng được.

Muốn trừ lòng tự-phụ, bước đầu của tôi là dứt bỏ những dáng điệu do lòng tự phụ gây ra : tôi muốn nói bộ mặt kiêu hãnh, cái nhìn khinh bỉ, hay những lời chê bai ác nghiệt. Thoạt tiên ai cũng thấy là dễ dàng. Chính tôi, tôi đã làm. Tôi đã nghĩ : thay một dáng-diệu nữa lại cái nhìn, nhìn một lời nói, nào có khó chi. Sự thật khác hẳn. Lần đầu mà lời chê bai dừng trong họng tôi để nhường bước cho một lời khen, tôi có cảm-tưởng rằng tôi đã dối lòng tôi. Lời khen mời ngượng ngùng làm sao ! Trong lúc nói tốt cho một người bạn trong trí tôi hiện ra biết bao cái xấu, cái dở của người ấy. Bộ mặt ta nhất là cặp mắt ta, phải là gương phản chiếu tâm hồn ta, nếu không, nó sẽ là gỗ là đá. Nó sẽ không « sống » nữa, nó thành một quái-tượng. Tôi đã thấy sự trái ngược ấy nhưng tôi không chịu bỏ phương pháp đã dùng. Nếu tâm hồn ta đem về linh hoạt cho cử chỉ ta, cử chỉ cũng có ảnh-hưởng đến tâm-hồn. Luôn luôn kiểm soát dáng-diệu,

tôi tự thấy lòng tự-phụ của tôi bớt khốc liệt. Cái nhìn của tôi bớt ngượng ngùng và lời khen của tôi có vẻ thành thật. Tôi cố tìm trong những người xung-quanh những tánh tốt hiển nhiên của họ. Nói đến tánh tốt ấy có gì là giả-dối ? Thế là tôi đã đuổi tánh tự-phụ vào bên trong không cho phát hiện ra ngoài. Cùng một lần tôi quyết diệt nó tận gốc, bằng lối tự-kỷ ám-thị. Đây là một phương-pháp màu-nhiệm mà anh em đã ghi vào trong luật-lệ của đoàn. Rồi đây các bạn sẽ thi-nghiệm nó và thưởng thức nó. Phần tôi, tôi đã biết sự linh-nghiệm của phương thuốc ấy, tôi chỉ trách mình nhiều lúc nhác nhém, không chuyên dùng đến nó nếu không tôi đã đi xa hẳn.

Biết tánh tự-phụ là nguy-hiểm chưa đủ. Cần phải tự nhắc nhở luôn rằng tự - phụ là nguy - hiểm. Biết mình hèn kém chưa đủ. Cần phải luôn tự nhắc nhở rằng mình hèn kém. Tôi đã nói tôi không chuyên cần nhưng những lần tôi lặp đi lặp lại : « Không được tự-phụ, không được tự-phụ » trước khi đi ngủ đã giúp ích cho tôi nhiều lắm. Mỗi lần tôi muốn lên mặt, cái câu « không được tự-phụ » tự nhiên hiện ở đầu môi ngăn trở tôi, không cho sa ngã. Và suy nghĩ kỹ, nào có gì đáng hợm mình « một ít thông minh » sẵn có từ nhỏ, vài thành - tích gọi là vẻ - vang nhờ những trường-hợp may-mắn . . . chỉ có thể thôi ! Nhờ những lúc xét như thế tôi thấy mình tự-phụ là lỗi-bịch. Lòng tự-phụ của tôi bây giờ không có cơ-sở. Hẳn là bây giờ tôi vẫn chưa hết tự - phụ, nhưng tánh xấu ấy chỉ là một ít dư - hưởng, nó vất-vơ, vất-vưởng chỉ trở lại khi tôi buông lỏng dây cương hay chăm lo vào tánh xấu khác. (sẽ tiếp)

NGÔ-ĐIỀN

trong đoàn Phật-Học Đức-Dục

TÌNH BẠN



Nói đến tình bạn, là ta đã liên-tưởng ngay đến bao nhiêu kỷ-niệm thấm thía chứa trong lòng. Chỉ hai chữ ấy đủ làm sống lại trong trí ta cả một thời êm đẹp xây bằng những phút dịu-dàng của đôi bạn song-song thẳng tiến trên đời, say đắm với tình thân, hồn đầy ý-sống, thả mình cùng bơi trong hy-vọng và vui tươi,

« tay yếu trong tay mạnh,

« Nghe hát ân tình giữa gió sương » « Xuân diệu »

Hai chữ đầy mãnh-lực huyền bí ấy khiến ta vượt cả thời-gian và không-gian, làm sống lại những mối tình thiết-tha và trong sạch, cao thượng và gần như thần - thoại của quan-eông Lưu - bị và Trương - phi trong vườn đào thừa nọ, của la Boéti và Montaigne, của Bá-nhà và Tử-kỳ hay của Dương-khuê và Tam nguyên Yên-đồ.

Tình bạn phải chăng là một cái năng-lực cao-siêu nó làm cho người nọ hấp-dẫn người kia, người kia muốn gần người nọ.

Tình bạn phải chăng là tất cả tinh-hoa của vũ-tru đã kết tinh lại trong người ta.

Chắc ai cũng thừa biết rằng người là một sanh vật ưa đoàn-thể, ưa thân-ái ; họ đã biết tìm bầu tìm bạn cùng sống với nhau, cho bớt nỗi tẻ lạnh trong những chuỗi ngày mịt-mù với họ, giữa mọi vật đang quây cuồng tìm sinh-kế, giết hại lẫn nhau. Cái mục-dích đầu tiên chỉ là một sự cộng tác để chung lưng phần dẫu cho cuộc sinh tồn chung trên cõi đời lạ. Dần dần năng sống với nhau, năng chia buồn chia vui với nhau, ở sự cộng-tác chặt-chẽ ấy tình bằng hữu nảy ra như một tia sáng. Và cội rễ mà tăng tiến

mãi, cái mối tình mộc mạc và thô sơ ấy càng ngày càng thêm phức-tạp ; cho đến nay ta đã thấy cái cao-xa, cái sâu-sắc của nó lên đến cực điểm.

Đã bao giờ bạn cảm thấy tâm hồn bạn trống trải, lạnh lẽo dù chung quanh bạn, cha mẹ, anh em, sẵn lòng hiểu cho bạn những phút ấm-áp, vui tươi ? Đã bao giờ bạn cảm thấy hình như có một cái gì thiếu thốn trong người bạn, dù đưa mắt ra xung quanh bạn chỉ nhận thấy đầy đủ ? Đã bao giờ bạn thấy khổ sở vì không biết bày tỏ nỗi lòng bạn cho ai thân thích trong những phút khó-khẩn dù trong gia-đình bạn, người thân không phải ít ?

Chắc những lúc ấy đã nhiều lần làm rộn lòng bạn. Tại sao lại có những cái mâu-thuẫn giữa hoàn-cảnh và lòng bạn như vậy ? Bạn không được an-tâm về đường vật-chất ư ? Chắc không phải. Bạn thiếu tình thân mến của quyến-thuộc ư ? Cũng muôn nghìn lần không. Đây tôi xin trả lời hộ bạn : Bạn thiếu người hiểu bạn rồi hay nói cho sát hơn, bạn chưa tìm được một linh hồn nào cùng hòa một nhịp với linh hồn bạn.

Xưa kia đàn Bá-nha tuy có tiếng là hay nhưng đã mấy ai hiểu thấu. Trách gì mà những lúc ôm đàn dạo vài khúc nhạc, chàng vẫn thấy sâu tủi trong lòng và cảm thấy tiếng đàn của mình vẫn thiếu tinh-vi.

Ai ai cũng cảm thấy cần một linh-hồn khác hiểu mình để cùng nuôi chung một nguyện-vọng, cùng sống chung những ngày nặng-nề và những giây vui sướng. Song muốn tìm được một người bạn tưởng cũng khó lắm ! Nhất là cuộc đời thực tế hiện thời càng văn-mình càng phức-tạp, dành cho ta không biết bao nhiêu là lừa dối. Những sự phù-phiếm bề ngoài, những thói đưa-đẩy xã-giao, những cái dối trá cần phải có trong trường cạnh tranh của nhân loại nó đã

rùm kín cả cái tâm mộc mạc, cái óc thô sơ giản-
dị của những thời xưa và thả vào biết bao nhiêu là
phiền-phức. Tâm hồn ở trong không phát triển ra được và
làm cho người ta khó hiểu nhau, thật là một cái
trở lớn cho những ai có tấm tình bạn.

Nhưng xin các bạn hãy yên tâm. Đồng thanh
tương ứng, đồng khí tương cầu, các linh-hồn tri-thức
đều có những sợi giây vô hình ràng buộc với nhau
từ những thuở nào, và một cái mãnh-lực riêng để
thu cảm nhau, không kể gì đến thời gian Bá - nha
buồn bực không ai nghe hiểu được tiếng lòng, từ
cả quan tước : cùng cây đờn và bầu rượu đi ngao-
du thiên hạ. Linh-tính chàng đã xui chàng ghé thuyền
vào nơi Chung-tử-kỳ ở mà chàng không hay. Đến
khi giây tơ tự nhiên đứt, khiến chàng biết có người
nghe trộm, cũng chính là nhờ cái sức huyền-diệu ấy

Như vậy tình bạn chỉ là một vấn-đề tương-cảm
trong những trường hợp đặc-biệt, chứ không phải
là một việc trong suy nghĩ, tính toán. Nhiều khi chỉ
gặp nhau có một lần, chỉ trao đổi cho nhau có một
cái gật đầu hay một nụ cười thân - thiện mà lòng
ta đã thấy rộng mở đón lấy tình giao-hữu ấy. Đời
học sinh cho ta nhiều thí dụ như thế. Ta thường nhận
thấy các bạn học trong một lớp không thân nhau mà
những đôi bạn khăng-khít lại chỉ là những người ít
được trực tiếp với nhau, và học ở lớp khác nhau.
Có lẽ vì người ta gần nhau nhiều và hiểu nhau quá mà
không có thể thân nhau được chăng ? Tình bạn theo
ý tôi, không phải có vì biết người ; không phải
biết người hay mới nhận là tri-kỷ ! Trái lại, đôi
bạn mới, có lẽ phần nhiều ít hiểu nhau. Cần nhất
cái tình thân mến nhau đã. Sau, cảm tình đã có,
hiều thêm nhau, biết tính tốt của nhau, thì càng
thêm thân thiết, thấy tính dở của nhau, họ cũng
không nổi giận nhau mà chỉ nhẹ nhẹ khuyên nhau
trong dịu dàng và ấm cúng.

Tôi thường nghe nói tình bạn không chịu ảnh hưởng của hoàn - cảnh và địa vị của hai người. Có lẽ lời nói ấy cũng có nhiều chỗ đúng chăng? Đòi bạn không cần phải có một địa vị trong xã-hội giống nhau. Họ chỉ cần phải có một xu-hướng một quan niệm thì mới mong tình vĩnh-viễn được. Thiếu những cái ấy sẽ đem lại nhiều sự hiểu lầm, làm cho sợi giây liên-lạc giữa đôi bạn nơi dần dần-dần. Thi-sĩ Verlaine lúc nào cũng choáng hơi men, thất tha thất-thếu, trên vỉa đường phố như một cái xác đầy tội lỗi, chỉ có thể bạn với một thi-sỹ khát như Rimbaud, cũng vô đạo, cũng thiếu nghị lực và cũng là đồ-đệ mù quáng của ma-men. Ba vị anh hùng của Trung-quốc thời xưa cũng bởi cùng một thời xưa, cũng bởi cùng một chí hướng, cùng một tấm lòng băng - hải mới đồng thanh cất tiếng, thề kết nghĩa tử-sinh trong vườn đào.

Nhưng tình bạn lại còn có nghĩa là tình trong ngay thẳng. Chớ đồng tâm, đồng chí phung-sự những điều hung ác tất nhiên không phải là bạn, mặc dầu, trong ấy vẫn có những sự tha-hử và lòng luyện-ái.

Đã là bạn, còn phải rõ cái bi-quyết để làm cho ngọn lửa thiêng liêng ấy ngày một sáng thêm. Tri kỷ là quý, vậy bạn tri-kỹ cũng phải giữ lễ với nhau, chớ không bảo là tri-kỹ mà suồng-sã cư xử với nhau thế nào cũng được.

Việt-thanh-Phủ người nước Tề về thời xuân-thu, có tiếng là người giỏi. Anh ta phải tội oan, bị giam trói khổ sở, Ân-tử đi qua gặp ở đường, tháo một con ngựa đang đóng trong xe ra bán, để chuộc tội cho anh ta rồi đưa lên xe đem về.

Về đến nhà, Ân-tử chẳng hỏi han gì đến, vào ngay nhà trong rồi ở mãi không ra. Thạch-phủ tức giận bỏ đi, và nói rằng từ rày không bước tới nhà Ân-tử nữa. Ân-tử ngạc-nhiên, sửa khăn áo chạy theo ra tạ tội; « tôi

tuy chẳng ra gì, song cũng vừa gỡ được tội cho ông sao ông lại với cự tuyệt tôi thế ».

Thạch-phủ nói : « Không phải, tôi nghe người quân-tử gặp kẻ bất tri-kỹ thời phải cự thân, gặp được người tri-kỹ thời được hã dạ. Tôi đã bị giam trói oan là tôi gặp phải kẻ bất tri-kỹ. Tôi đã gặp được ông đã biết tôi mà cứu cho tôi khỏi oan, thì ông là tri-kỹ của tôi. Nếu tôi gặp phải người tri-kỹ mà vô lễ, thì thà tôi ngồi trong chỗ giam trói còn hơn ». (Cổ-học tinh-hoa). Lời nói ấy thật đúng vậy. Đức Khổng-Tử cũng đã nói : « Thiện dữ nhân giao, cửu nhi kính chi ». Nghĩa là khéo chơi với người lâu ngày mà vẫn kính trọng, thực là phải, vì có thể tình bè-bạn mới giữ cho có thủy-chung duy-nhất được.

Tình bạn cần nhất là lòng tin nữa. Sơ ý một chút làm cho mất tín-nhiệm cùng nhau, là đã đào một cái hố sâu giữa ta và bạn, không còn tài nào mà lấp lại được nữa. Tin còn thì bạn còn, tin mất thì bạn mất.

Tình bạn quý nhất là ở chỗ không có tư-lợi. Đôi bạn tuy hai mà như một, không có một cái gì là của riêng của người nọ người kia. Tiền tài có thể đầu độc hết cả các thứ tình của người. Nhưng không có hiệu-quả gì trên tình bạn chân-thật. Anh em ruột thịt thật cũng có chỗ không bằng bạn tri-kỹ được.

Có người chê tình bạn không có một phạm-vi rộng rãi, mà chỉ riêng là vũ-trụ của đôi người. Tình bạn đây tôi nói tình bạn thân thiết nhất chỉ quý ở chỗ ấy. Đời bây giờ người ta quá lạm dụng cái nghĩa của chữ bạn khi xưa. Quen nhau người ta đã cho là bạn rồi. Hơi một tí, người ta đã gọi là thân, thật làm kém cả cái cao quý của chữ ấy.

Tôi nhận thấy nhiều người lại cho tình bạn chỉ là do nơi hăng hái bông-bột của một thời trẻ-trung, lòng đầy hy-vọng và sẵn sàng đón lấy tất cả nguồn thân-ái bất cứ của một ai. Những điều nhận xét ấy chỉ đúng cho một số ít. Nhưng phần đông tình bạn cùng tăng với thời-

gian. Khi trở về già, tâm-hồn đã cần-cối không còn rung động với bất cứ một cảm tình gì, người ta cũng vẫn giữ được cả cái chân-thật cảm kích của thời xưa. Ta thử nghe mấy câu thơ của một ông cụ già khóc một ông bạn già :

« Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,

Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương.

Tuổi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu mang lấy hai hàng chứa chan ».

khô-khan thì có khô-khan thật, vì nước mắt cũng không mà tiếng thôn-thức cũng không có ! Tuy vậy, ta cũng cảm thấy hết cả cái thành thật, cái nhớ cái thương không khuấy khỏa được của người đau-bạc mất bạn ấy.

Tinh bạn là cái tinh anh trong trời đất, cái trong sạch của loài người, không nơi nào, không thời nào là không có. Đợi gì mà ta không đón nó, hợp lấy nó đầy tim đầy phổi như khí trời đầm ấm. Đợi gì mà ta không gây lấy những cái vui thân cao-xa quý báu ấy. Đừng dè dặt quá, các bạn ạ ! Hãy mở thênh-thang lòng bạn ra bốn phương trời. Đừng sợ bạn thiếu tinh, thiếu cảm, thiếu của cải, thiếu hết cả mọi thứ... ? hãy đón nó vào lòng bạn ; vì lòng bạn không bao giờ thiếu.

Hãy lọc cho lòng ta trong sạch để đón lấy tinh bạn trong sạch ! Tinh bạn chân thành nào cần cầu-khẩn, van xin tinh bạn thân chỉ là sự rung-động hòa-hợp của hai tâm hồn, hai tâm hồn đồng khi kêu gọi nhau một cách huyền-bí, và hòa-hợp với nhau một cách tự-nhiên.

Ta hãy lọc cho lòng ta ngày càng trong sạch để tinh bạn ngày càng trong sạch.

Đề kết luận, ta hãy đọc vang lên mấy câu :

« Bạn ơi, đây của đây lòng,

Ta xin tặng bạn, tặng không đủ rồi. »

TRẦN-ĐỒ-CUNG

(Trong Đoàn Phật-Học Đức-Dục)

U'U-ĐA-DI

Có tin Hoàng-tử cùng bà vợ đi săn. Dân thành Ca-tý-la-
vệ lo sửa - soạn những cây cảnh trước nhà, họ uốn những
hoa nào có màu tươi đẹp nhất quay mặt ra phía ngoài đường
để đón chào vị Thái-tử. Người ta chờ đợi nhìn khuôn mặt
hiền-từ với đôi lông mày dài và mềm mượt trên đôi mắt
sáng xanh như giòng nước biếc của sông Hằng, dáng-diện
đồng-dạc và thân hình nở-nang của vị thiếu-niên lúc nào
cũng dẫn đầu một bọn lính kỵ vai đeo binh-khi sáng chói,
hùng hổ trên những con ngựa mập-mạp. Ngày nào Thái-tử
đạo chơi thì đêm đó những tiếng đàn của các thiếu-nữ
trong thành bay lên, vừa quẩn-quít, vừa náo-nùng, khiến
cho những hoa xung quanh vườn hình như say nhạc mà
quên rằng hương của mình đã bay tận đâu đâu, và những
kẻ lảng giềng cũng ngần ngại bỏ dở việc làm của mình
ngồi thờ người như pho tượng.

Người ta uống công chờ đợi chiều hôm ấy. Các hoa đẹp
chỉ khoe sắc với khách qua đường. Ở phía cửa thành,
Thái-tử đã bỏ dở cuộc đi săn. Thái-tử Thích - Ca thấy
cảnh trái ngược giữa thân thể mạnh khỏe của mình như
một cái cây đang lớn, với hình vóc xầu-xí của ông già kia
như que củi gãy. Thật vậy râu tóc ông bạc phơ bồm ra
như lông lá của một con vật già, thân ông gấp đôi lại, tay
ông vơi dật như chực bỏ.

Có thể như vậy được chăng ? Một người tráng - kiện
như ta bây giờ một ngày kia cũng như thế ?

Thái-tử nghĩ như vậy rồi quay ngựa về.

Tối hôm ấy trăng vàng-vặc trên lâu-dài nhà vua. Hoa kỳ cở
lạ trong hoa-viên sáng lên như ngọc. Vua Tịnh - Phạn đã
được thị-vệ cho hay Thái-tử bỏ dở cuộc dạo chơi vì gặp
ông cụ già. Vua bèn mở ngay cuộc khiêu - vũ dưới muôn
ngọn đèn hoa đề làm khuấy Thái-tử. Nhưng Thái-tử Thích-
Ca vẫn không quên được ông già, và màu râu tóc bạc

lại hiện về trên các khóm cây ở hoa-viên dưới ánh trăng bàng bạc khắp mọi nơi.

Vua lo sợ và săn-sóc đến Thái-tử như vậy, vì chỉ có một mình Thái-tử là người kế vị mà thôi. Thái-tử lại là một thiếu-niên anh-tuấn cho nên mới 19 tuổi mà đã thông thuộc cả các nghề. Nào thiên-văn, địa-lý, nghị-luận, thi phú, văn-chương, âm-nhạc hội-họa, bói-toán, phú-chú, võ-ngệ, trong nghề nào Thái-tử cũng là người xuất-chúng. Không những vì thế mà vua yêu quý, vua yêu quý Thái-tử vì Thái-tử là kết quả của cuộc nhơn-duyên đậm-thắm giữa vua và hoàng-hậu Ma-ha-ma-da, vì Thái-tử là một mối tình thiêng liêng của hoàng-hậu để lại cho vua ở thế-giới này :

19 năm về trước, một đêm nằm mộng, Hoàng-hậu thấy mình lạc vào khu rừng hoang-vu. Một con voi trắng sáu ngà đến ve-vuốt bà mãi. Một hôm biết rằng mình thụ-thai Hoàng-hậu mới đem nói chuyện ấy cho vua nghe. Vua đoán là một điềm-mộng tốt và rất vui mừng vì vua đã 50 tuổi rồi, và Hoàng-hậu cũng xấp-xỉ tuổi vua, nếu may ra, Hoàng-hậu sinh được hoàng-nam, vua sẽ có người kế-vị.

Theo tục Ấn-độ phải về nhà cha mẹ mà đẻ. Một ngày, ở vườn Lam-Ti-Ni nước Câu Ly, quê-hương của Hoàng-hậu Ma-ha-ma-da, chim kêu không ngớt tiếng, mặt trời lên cao chói sáng hơn cả mọi ngày. Đêm ấy các khóm đều nở hoa ngào-ngạt. Hoàng-hậu Ma-Da ra dạo ở vườn hoa của vua Thiện-Giác, anh bà. Đêm ấy bà không ngủ, tho-thần nhìn trăng giữa vườn hoa mà nguyện cầu : « Hỡi những đấng thiêng-liêng hãy phù-hộ cho con tôi sau này trong sáng như mặt trăng kia, tri tuệ của người sẽ rộng-rãi bao-trùm cả thế-giới như mặt trăng kia »

Sao dần dần thưa trên đầu. Rạng đông bừng sáng một phía vườn. Hoàng-hậu bỗng thấy quận đau ở bụng, bà tựa vào một gốc cây vô-tru.

Mặt trời vừa lên chín ửng trên vườn Phong-Ti-Ni một trẻ lọt lòng giờ ấy xinh đẹp và toàn vẹn hơn cả những nhâu-ngọc ở cõi trần. Trẻ ấy là Thái-tử Thích-Ca.

Từ hôm Thái-tử bỏ dở cuộc đi chơi về, nét trầm-ngâm vẫn thoáng trên gương mặt sán-lạn tinh anh . . . Muốn giải sầu cho Thái-tử. Ngày nào vua cũng đặt ra những cuộc chơi trong cung điện. Các bọn ca nhi vũ nữ cùng các đào-chơi hát thầy đàn tha-hỗ được dịp trở tài. Vua lại còn ra « chỉ » xem ai có vật lạ nghề hay đem vào cung bày đều được thưởng. Người ta đem đến những thứ hoa quỳnh to bằng cái đĩa lớn, những hoa nhài cánh to bằng cánh hồng, những hoa sen vàng nở lá bốn mùa, những cây chuối trăm buồng, những giống vật quái ở núi ở biển, những san hô, ngọc, cùng các thứ chạm trổ khéo léo. Trong các thứ ấy có con ngựa làm cho Hoàng-tử chú ý đến. Con ngựa là một con vật vừa đẹp đẽ vừa khôn ngoan. Minh mảy đều đặn, bốn chân thon thon, nó đứng bên cạnh những con ngựa to lớn nhất trong cung thì những con này cũng thành ra thấp bé. Nhưng hình-hai của nó làm sao sánh nổi với màu sắc của nó, những trông đen trong mắt nó có một sắc đen lánh của hột huyền, những móng chân của nó đi vào trong tối thì sáng lên như sừng tê-giác, lông nó mượt và trắng như tuyết trên núi Hy-mạ-lạp-sơn, bờm của nó óng-ánh như tờ vàng mềm mại và ở quanh cổ nó có những vân màu ngũ sắc dợn lên như một cầu vồng. Chưa hết đâu, người ta lại khéo đeo nơi hai chân trước nó hai cái rung rảng âm dương, lúc ngựa chạy tiếng nhạc hòa lên một điệu xao-xuyến và huyền bí như tiếng suối chảy trong đêm khuya, giọng chim riu-rit trong rừng xa. Có lẽ từ hôm được con ngựa ấy, Thái-tử cũng khuấy được nỗi buồn. Nhưng đêm đến, vua còn sợ không có cái gì để giải-trí cho Thái-tử nên bày ra không ngớt những cuộc vui. Đêm hôm ấy cũng như mọi hôm trong cung đều có múa hát trà tiệc, dưới ánh những cây nến có ngọn lửa to như từng bó đuốc, các vàng bạc ngà ngọc khảm trên các cây cột, trên trần nhà, trên các áo mào của người trong tiệc đều chói lên như một kho tàng châu báu. Hương trầm ở bốn phía tỏa ra ngào-ngạt, và rượu trong những cốc thủy tinh đủ màu như muôn hoa

ở một vườn xuân. Các vũ-nữ đều hết tài múa hát, những thân hình uyển chuyển theo âm nhạc như những gợn sóng, mặt mày tươi như các hoa sen một buổi sớm mùa hạ. Điệu múa rất tự-nhiên. Chân tay họ như làm bằng một thứ sáp, thứ bột gì rất dẻo tha hồ để cho một bàn tay vô - hình uốn nắn. Một người chưa thấy cảnh ấy bao giờ nếu lạc vào đây e tưởng mình đã lên tiên. Nhưng những cảnh đẹp ấy đối với cặp mắt Thái-tử đã quen lắm rồi. Đêm ấy người ta mời được một người con gái vừa tài vừa sắc đến giúp cuộc vui.

Các vũ-nữ vừa kéo vào, một tiểu-thư quần áo trắng bước vào, nét mặt của nàng đẹp một cách ngây thơ và hồn-nhiên. Trên tay nàng cầm một cây đàn chín dây, nàng cúi chào rồi quì xuống giữa chiếc thảm xanh trông giống như một nụ hoa ở giữa một vũng lá biếc.

Người ta không rõ nàng đàn bản gì. Toàn xứ Ca-tỳ-la-vệ chưa ai được nghe. Người nghe bản đàn ấy dần có một mối sầu khó giải trong lòng cũng có thể nguôi được, dần có tánh giận dữ đến đâu cũng thấy trở lại ôn-hòa được. Một bản đàn khiến cho người ta thấy sống ở cõi trần này là một cõi êm ái. Cứ mỗi lần nàng nghỉ tay, người nghe lại không biết tự đâu có tiếng chim rất trong nổi lên để tiếp theo. Nàng đã khéo luyện tập được một con chim khôn ngoan và bắt nó đậu trên cây đàn. Người ta tưởng con chim nhỏ ấy là một bộ phận của cây đàn không ai ngờ những tiếng chim bay ra lại là của con vật xinh kia. Đàn xong nàng lại cất tiếng hát. Chao ôi ! những tiếng hát lại trong bằng mấy tiếng đàn, khi lên khi xuống như hẹn hò trước với những điều ao ước riêng của từng người. Trước khuôn mặt ngây thơ của người hát và giọng ngân trong-trẻo, lòng ghen tuông của các cung tần không có thể có nữa.

Nàng dứt tiếng hát, Thái-tử thấy khoan khoái, các người trong tiệc như ngây như dại, từ nãy đến giờ nín hơi để nghe, bây giờ mới dám thở ra. Thái-tử vừa quay lại mỉm cười, một người thị-vệ đã nhanh-nhau tâu : « Tâu Thái-tử ! nàng Ưu-đà-Di, giòng dõi Bà-la-môn ».

(còn nữa)

PRATIQUE DE LA MÉDITATION

(Suite)

Il faut arriver, à se sentir rempli de bienveillance, se pouvoir concevoir une autre idée que bienveillance pour tous, auteur de tous, en tout. On doit, avoir le cœur rempli de cette idée, et baigner de bienveillance jusqu'à ce qu'on ne soit conscient que de cette pensée d'amour, ont imagine que l'on est pénétré d'amour bienveillant, saturé d'amour, absorbé dans l'amour.

Formule longue metta

(Amour bienveillant)

Avant de commencer à employer la formule longue pour méditer METTA, choisir trois personnes vers lesquelles on envoie des pensées de bienveillance.

1. — Un être qui vous est très cher (mais cela ne doit pas être quelqu'un qu'on aime avec passion, ni un mort).

2. — Un être pour lequel vous ne sentez que de l'indifférence.

3. — Un être qui est hostile ou un ennemi.

Ayant choisi les personnes et accompli les respirations habituelles recommandées, on se remplit de bienveillances pensées pour soi-même.

Commencer la méditation ainsi.

Les quatre personnes

A. Soi-même. Se dire.

« Puisse je être heureux, Garder mon bonheur.

Et vivre sans inimitie, Je suis rempli d'une pensée

d'amour bienveillant ».

B. L'être cher.

« J'envoie des pensées d'amour à . . . (l'être cher)

Puisse-t il (ou elle) être heureux,

Garder son bonheur, vivre sans inimitié »

Continuer à entourer et à baigner cette personne de pensées d'amour bienveillant. »

C. L'être indifférent

« J'envoie des pensées de bienveillant amour à... (personne ordinairement indifférente),

Puisse-t-il être heureux,

Garder son bonheur, vivre sans inimitié ».

Continuer à entourer et à baigner cette personne de pensées d'amour bienveillant.

D. L'être hostile.

« Telle personne m'a été hostile, inamicale .

Puissé-je me libérer de toute inimitié envers elle.

Je ne lui veux aucun mal ; Puisse-t-il (ou elle) être libre de souffrance et libéré d'inimitié ?

Puisse-t-il être heureux et garder son bonheur.

Ignorer les poussées de sentiments hostiles qui surgissent, les écarter en répétant :

« Je ne suis que bienveillance, bienveillance, bienveillance ».

Si les pensées hostiles persistent, penser aux bonnes qualités de cet être, qu'il se fait du mal en agissant avec hostilité ; penser compassion, et reprendre Metta.

Synthèse.

Il faut maintenant tâcher d'envelopper dans une même et seule pensée d'amour bienveillant :

Soi-même. L'être aimé. L'être indifférent. L'être hostile.

Essayer de les confondre dans une pensée d'amour dans votre imagination comme au cinéma faire paraître et disparaître rapidement l'image de l'un pour faire place à l'image de l'autre.

Il faut arriver à ne plus faire de distinction entre soi-même et autrui car on n'est plus qu'une pensée de bienveillance. Quand les barrières de la personnalité sont abattues, la méditation a atteint son but.

Elargit le champ de la méditation.

Ne pas oublier d'englober tout ce qui vit, non pas seulement l'homme, dans une pensée d'amour bienveillant.

METTA BHAVANA

Le développement. Ou dépliement de l'amour universel.

Envoyer une pensée d'amour

à l'endroit qu'on habite

la maison, la ville

le département, les pays entiers

le continent où il est situé

Laisser la pensée pleine de bienveillance, parcourir ces divisions, déverser sur elles une pensée d'amour comme on le ferait sur un être aimé.

Si l'on désire continuer cette méditation et la pousser plus loin, suivre les instructions pour la méditation sur les quartiers du globe.

Par quartiers

Imaginer le monde divisé en quatre quartiers : Est, Ouest, Nord, Sud.

Envisager à tour de rôle chaque quartier comme vous étant cher Déverser une pensée de bienveillance sur chaque quartier comme sur un être qui vous est cher. Imaginer, si cela facilite votre effort, un être cher parmi les gens des ces quartiers ; Imaginer que vous êtes parmi eux. Se dire :

« Que tous les êtres (Salta) dans l'est

Que tous les êtres dans l'ouest,

Que tous les êtres dans le nord,

Que tous les êtres dans le Sud,

Soient heureux, gardent leur bonheur,

Puissent-ils vivre sans inimitié »

La pensée comme une effluve de bienveillance doit couvrir chaque quartier. Et les quatres quartiers intermédiaires, (à travers par sections en croix) le zénith et le nadir.

Élargir toujours le champ de méditation.

L'Univers.

Laisser votre pensée chargée de bienveillance encercler le globe, diffusant partout des pensées d'amour. Tournant autour du globe « comme un cheval tourne autour d'un cirque ».

Envelopper l'Univers entier, d'une pensée d'amour bienveillant, diriger cette pensée en haut, en bas, à travers, tout autour.

Ne penser que bienveillance.

Faire les respirations courtes et longues (comme au début) et sortir de la méditation en récitant les

trois salutations

En dehors de la méditation se rappeler ce que l'on a ressenti et pensé pendant cette méditation.

En méditant on doit obtenir une tranquillité mentale qu'il faut chercher à garder. Recommencer chaque fois qu'une distraction a rompu le cours de la pensée ou trouble le calme.

A un moment donné on sentira un étrange contentement, et de ceci une espèce de joie sera née le corps et le mental étant pénétrés de cette joie seront tranquilisés et baignés d'une sensation de bien-être.

Cette joie née du détachement, quand il n'y a plus de désir ni de quand il n'y a plus de désir ni de mauvaise pensée, doit imprégner tout l'être, la pensée deviendra alors étonnamment claire et active.

MUDITA

La sympathie joyeuse

La sympathie pour le bonheur des autres peut se méditer selon la même formule que celle employée pour Metta.

Cette méditation libère le cœur de l'envie, de la jalousie et fait naître le contentement. On doit ressentir la joie pour le bonheur d'autrui autant que si un joyeux événement avait eu lieu pour soi-même. Il y a toujours de la joie, du bonheur quelque part dans le monde, se réjouir de cela avec tous les êtres heureux.

Commencer par apprécier ce qu'il y a de bonheur dans votre propre vie, dans la vie d'un être cher, dans la vie d'un être indifférent, dans la vie de votre adversaire, se réjouir de ce bien-être et ce bonheur.

(à suivre).

trên hàng hóa

Có nên dùng các nhãn, tượng Phật trên các hàng hóa không ?

Vừa rồi chúng tôi có tiếp được nhiều thư của các độc-giả nói về các nhãn tượng Phật trên các hàng hóa. Các nhãn ấy bị bỏ lay lắt mọi nơi, bóa ra lấm điều trần độc, nên có hỏi ý-kiến chúng tôi về vấn đề ấy.

Chúng tôi thiết nghĩ việc làm nhãn có tượng Phật tuy in tưởng có ích lợi về phần tuyên-truyền, nhưng đối với phần tín-ngưỡng và tôn-kính về tôn-giáo thật là một điều không nên.

Phàm đã là người đạo Phật thì khi thấy một tượng Phật, khi niệm danh-hiệu Phật, khi nghĩ đến công đức Phật đều có lòng cung kính, tôn trọng đặc-biệt.

Vậy cái tượng Phật rất tôn kính kia không thể để càn nơi nào cũng được, huống hồ là để trên các nhãn hàng hóa là những vật không thể tôn-trì mãi được. Mà đã không thể tôn-trì tât nhiên khó tránh cái tệ quăng bậy vứt càn gây nên tội-lỗi cho người đã quăng vứt và cũng tức là gây nên tội-lỗi cho người đã làm nhãn vậy.

Vậy đối với các nhà làm hàng-hóa có nhãn tượng Phật chúng tôi thành-thật khuyên bỏ cái ấy đi vì cái lợi về hiện tại chẳng được bao lắm mà cái hại về tương lai do lỗi bất kính đối với Phật thì không thể kể xiết.

Còn đối với tín đồ Phật-giáo thì chúng tôi khuyên nên thận trọng những khi dùng những vật-hạng có nhãn tượng Phật ; Mỗi khi bắt đắc-dĩ mua về thì phải lột liền nhãn ấy mà thiêu hủy đi để cho người nhà khỏi vì vô-ý mà mang tội bất kính.

Chúng tôi xin nhắc lại rằng cúng-dường Tam-bảo được phước-đức bao nhiêu thì hủy báng Tam-cảo bị tội - lỗi bấy nhiêu và xin toàn thể Phật-giáo-đồ chú ý cho.

Nam-mô A-Di-Đà Phật.

THƯ TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phiếu bưu-diện của quý ngài
độc-giã kể tên dưới đây :

Tiếp theo		
- Lê thị Thúc	Tourcham Phanrang	1p50
- Tạ thúc Phúc	Phanrang	1,50
- Hồ thúc Phán	-	1,50
- Phan văn Chay	-	1,50
- Lương đông Ba	An xuân Phanrang	1,50
- Đỗ Cường	Phanrang	1,50
- Trần văn Quỳnh	An xuân Phanrang	1,50
- Lê đình Hiến	-	1,50
- Nguyễn văn Tài	-	1,50
- Lê thị Sáo	-	42,00
- Section Vinh	Vinh	1,50
- Nguyễn văn Toại	Phanrang	1,50
- Lư ngọc Chương	-	1,50
- Trần Đoàn	-	22,85
- Entrerays	Dran	1,50
- Nguyễn Hy	Sơn hải Phanrang	1,50
- Nguyễn hiền Triết	-	1,50
- Nguyễn Dãnh	-	1,50
- Nguyễn văn Mãi	-	2,00
- Nguyễn văn Minh	Gia đình	1,50
- Hồ xuân Quang	Phanrang	1,50
- Đỗ An	-	1,50
- Phạm văn Tô	-	1,50
- Nguyễn xuân Các	-	1,50
- Hoàng thủy Cánh	-	1,50
- Ngô khắc Lượng	-	1,50
- Hồ thị Huyết	-	1,50
- Phạm văn Bằng	-	1,50
- Đoàn thị Nghi	-	1,50
- Hoàng văn Tầm	-	1,50
- Thân trọng Du	-	1,50
- Võ thị Liên	-	1,50
- Nguyễn văn Viễn	-	1,50
- Chi hội	An xuân Phanrang	1,50
- Nguyễn thanh Đài	Phanrang	1,50
- Bùi đình Bá	-	1,50

Còn nữa